

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2025

V/v “Ly hôn; tranh chấp nuôi
Con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Ông Nguyễn Duy Chân

- Thư ký phiên toà: ông Đinh Thế Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà: bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

HKTT: Tổ H, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hiện tạm trú tại: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Trí T1, sinh ngày 04/6/2021. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, làm ăn thất bại dẫn đến nợ nần, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T đến huyện Đ sinh sống, làm ăn, cả hai sống ly thân hơn 2 năm không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về tình cảm: Xin ly hôn

với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Hiện nay anh T là người nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí T1 nên chị đồng ý giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án thì: Anh Thông thống N với lời khai của chị H về việc kết hôn và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T thừa nhận hôn nhân không có hạnh phúc vì cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, thất bại trong làm ăn kinh tế dẫn đến những cãi vã, bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, anh cũng nhiều lần níu kéo nhưng không thành. Vì là người có đạo nên anh không ký thuận tình ly hôn được. Anh chị sống ly thân, chỉ có anh T về sống tại thị trấn Đ nên Ban tự quản không biết được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh. Anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí T1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí T1, sinh ngày 04/6/2021 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn hiện đăng ký tạm trú và trú tại TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai thừa nhận có mâu thuẫn, phát sinh do bất đồng quan điểm sống, sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau, thất bại trong làm ăn kinh tế nhưng cả hai không có biện pháp giải quyết khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, hiện cả hai đã sống ly thân từ năm 2022, anh T cho rằng đã níu kéo nhiều lần không thành nhưng là người có đạo nên anh T không đồng ý thuận tình ly hôn mà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, việc mâu thuẫn của cả hai là có thật, hiện nay tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều thống nhất được việc giao các con chung cho anh T nuôi dưỡng; anh T hiện cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận giao cháu Nguyễn Trí T1 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí T1, sinh ngày 04/6/2021 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006297 ngày 19/3/2025 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng

